

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01/3/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương .
- Các hội thẩm: Ông Lò Văn Quân và bà Nguyễn Thị Mừng.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.
- Đại diện VKSND huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa có ông: Nguyễn Văn Mạnh, KSV.

Vào ngày 01/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-HN&GD ngày 17/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn: Chị Hà Thu M;** sinh năm: 1987.

Trú tại: Bản B, xã Ht, huyện M, tỉnh S, (có mặt).

+ **Bị đơn: Anh Cà Văn T;** Sinh năm: 1989.

Trú tại: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Đ.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2017, tại bản tự khai, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thu M trình bày:

Chị M và anh T kết hôn từ năm 2010 và đăng ký tại UBND xã H, huyện M, tỉnh S. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị M xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị M và anh T có một người con chung là cháu Hà Ngọc L; sinh ngày 19/5/2011, hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì anh T cuộc sống khó khăn, không có thu nhập.

Về tài sản chung: Hai anh chị không có tài sản chung, không có nợ phải trả.

Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải đối với các đương sự lần thứ nhất vào ngày 21/11/2017 nhưng bị đơn Cà Văn T vắng mặt không có lý do. Tiến hành xác minh được gia đình và chính quyền địa phương cho biết: Cà Văn T có hộ khẩu thường trú và trú tại bản B, xã Q, huyện T nhưng đi làm ăn ở các địa phương khác từ tháng 9/2017, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, gia đình cũng không biết địa chỉ ở đâu và cũng không liên lạc được với T. Vì không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho Cà Văn T, Tòa án căn cứ vào Điều 179 BLTTDS tiến hành niêm yết văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên hòa giải số 16 ngày 07/12/2017; Thông báo phiên hòa giải số 87 ngày 25/12/2017 tại trụ sở TAND và nơi cư trú của bị đơn đồng thời tổng đạt các văn bản này cho gia đình Cà Văn T, yêu cầu gia đình có trách nhiệm thông báo, giao lại cho Cà Văn T khi có liên lạc hoặc khi Cà Văn T trở về nhưng bị đơn Cà Văn T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã căn cứ Điều 207 BLTTDS đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, do bị đơn vắng mặt nên HĐXX hoàn phiên tòa lần thứ nhất.

Ngày 22/02/2018, bị đơn Cà Văn T đã có mặt tại Tòa án viết bản tự khai với nội dung: Về hôn nhân, con chung nhất trí như ý kiến chị Hà Thu M trình bày. Nay chị M có yêu cầu ly hôn anh nhất trí ly hôn và nhất trí giao con chung Hà Ngọc L cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chưa có việc làm, chưa có thu nhập nên tạm thời chưa có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh T cũng xác nhận hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ phải trả.

Anh Cà Văn T cũng xác nhận, anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng vì điều kiện đi lại khó khăn, anh không đến Tòa án để tham gia hòa giải được, anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, chị Hà Thu M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKS phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đảm bảo đúng qui định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81 luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thu M, xử cho chị M được ly hôn anh T. Giao cháu Hà Ngọc L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì chị đảm bảo điều kiện nuôi cháu. Chị M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì anh Thương chưa có điều kiện cấp dưỡng là phù hợp. Về án phí, chị Hà Thu M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Hà Thu M và anh Cà Văn T tự nguyện kết hôn từ tháng 02/2010, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã H, huyện M, tỉnh S cấp. Như vậy, hôn nhân

của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, vợ, chồng anh chị thường xảy ra xô xát nên cuộc sống của anh chị không có hạnh phúc. Tháng 12/2010, hai anh chị đã sống ly thân. Vấn đề này được thể hiện tại lời khai của chị M và anh T. Anh chị đều xác nhận đã sống ly thân được 6 năm, không còn quan tâm đến nhau, anh chị đều nhất trí ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh T.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Hà Ngọc L, sinh ngày 19/5/2011. Khi ly hôn, chị M có yêu cầu được nuôi cháu. Anh T cũng nhất trí để chị M trực tiếp nuôi cháu. Xét yêu cầu này của chị M thấy rằng: Chị M có chỗ ở và công việc, thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo cuộc sống của cháu. Cần áp dụng điều 81 luật HNGĐ giao cháu Hà Ngọc L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì anh T chưa có việc làm, chưa có khả năng cấp dưỡng nên chị M tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Bởi vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu này của anh chị.

[3] Về tài sản chung: Hai anh chị không có tài sản chung, được thể hiện lời khai xác nhận của anh, chị tại bản tự khai và biên bản hòa giải nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Hà Thu M phải chịu 300.000đ án phí theo qui định tại Điều 147 BLTTDS.

Xét đề nghị của VKSND huyện Tuần Giáo về quan điểm giải quyết các vấn đề của vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với qui định của Luật HNGĐ.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thu M được ly hôn anh Cà Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Ngọc L sinh ngày 19/5/2011 cho chị Hà Thu M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thu M chưa yêu cầu anh Cà Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh Cà Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Hai anh chị không có tài sản chung.

4. Án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, chị Hà Thu M phải nộp 300.000đ án phí DSST, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/05472 ngày 17/10/2017. Chị M đã nộp đủ án phí.

Chị Hà Thu M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Cà Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- VNK tỉnh
- VKSNDTG
- Đương sự
- UBND xã Hát Lót.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Thương